TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 269 /2021/DS-PT Ngày: 03 /12 /2021 V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**.

Các Thẩm phán: Ông **Trương Vĩnh Hữu**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Bảo Trâm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp "hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218 /2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn*: Trần Thị H**, sinh năm 1979

Nơi cư trú: ấp Hưng Q, xã HT, huyện TP, tỉnh TG.

2. ***Bị đơn*:**

2.1 Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1967 (chết ngày 23/4/2021)

Địa chỉ: ấp Hưng Q, xã HT, huyện TP, tỉnh TG.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1940; Địa chỉ ấp Hưng Ph, xã HT, huyện TP, tỉnh TG.

- Ông **Hồ Văn L**, sinh năm 1966; Địa chỉ ấp Hưng Q, xã HT, huyện TP, tỉnh TG.

- Anh **Hồ Văn S**, sinh năm 1987; Địa chỉ ấp Hưng Q, xã HT, huyện TP, tỉnh TG.

- Anh **Hồ Văn M**, sinh năm 1989; Địa chỉ ấp Hưng Q, xã HT, huyện TP, tỉnh TG.

- Chị **Hồ Thị L**, sinh năm 1991; HKTT: Thôn 9, xã E, huyện EK, tỉnh ĐL.

2.2 Ông **Hồ Văn L**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp Hưng Q, xã HT, huyện TP, tỉnh TG.

2.3 Anh **Hồ văn M**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp Hưng Q, xã HT, huyện TP, tỉnh TG.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Hồ Văn L,** sinh năm 1966**;** Địa chỉ: ấp Hưng Q, xã HT, huyện TP, tỉnh TG.

(Bà Trần Thị H, ông Hồ Văn L, anh Hồ Văn M có mặt; Bà Nguyễn Thị K, anh Hồ Văn S, chị Hồ Thị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn Trần Thị H trình bày:***

Bà có tham gia 01 dây hụi của gia đình bà Lê Thị T làm chủ hụi, cụ thể như sau: Hụi 2.000.000đồng/phần, khui vào ngày 25/7/2019 (âm lịch), hụi một tháng khui một lần, gồm 31 phần, bà tham gia 01 phần. Thỏa thuận hụi viên hốt, chủ hụi gom giao, hưởng huê hồng mỗi lần giao là 800.000đồng. Bà T đã góp của bà 24.000.000đồng. Sau đó bà T có trả được 2.000.000đồng, còn nợ lại 22.000.000đồng, trừ cho bà T 800.000đồng tiền huê hồng, còn lại 21.200.000đồng bà T không trả lại cho bà.

Do bà T góp tiền hụi của bà sử dụng chung trong gia đình, bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T, ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn M liên đới trả cho bà số tiền 21.200.000 đồng tiền hụi.

Tại phiên tòa: bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Lê Thị T và ông Hồ Văn L liên đới trả cho bà 21.200.000đồng; không yêu cầu ông Hồ Văn M phải liên đới với bà T, ông L trả nợ.

**** Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:***

Bà thừa nhận có tổ chức chơi hụi do bà làm chủ thảo, bà Trần Thị H có tham gia hụi như bà H trình bày là đúng và bà còn nợ bà Trần Thị H số tiền 21.200.000 đồng tiền hụi. Bà đồng ý trả cho bà H số tiền 21.200.000 đồng nhưng xin trả dần.

** Bị đơn ông Hồ Văn L, Hồ Văn M trình bày:* Việc tham gia chơi hụi do bà T trực tiếp thực hiện, ông không biết, không liên quan, nên không đồng ý liên đới với bà T trả theo yêu cầu của bà H.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Áp dụng Điều 471, khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

- Buộc bà Lê Thị T và ông Hồ Văn L phải liên đới trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ hụi 21.200.000đồng (hai mươi mốt triệu hai trăm ngàn đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Lê Thị T và ông Hồ Văn L chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 357, điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị T và ông Hồ Văn L phải chịu 1.060.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp 550.000 đồng theo biên lai thu số 20913 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/5 /2021, ông Hồ Văn L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Ông Hồ Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật.

Về nội dung : Nhận thấy, đơn kháng cáo của ông Hồ Văn L nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét.

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến

tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Do bà Lê Thị T chết trong giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã đưa những người thừa kế của bà T tham gia tố tụng kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị T nhưng ông L, anh M không đồng ý trả nợ cho bà T; bà K, anh S, chị L xin vắng mặt nhưng không nói rõ có đồng ý trả nợ hay không. Cấp phúc thẩm không xác minh được bà T có để lại tài sản để đảm bảo việc thi hành án hay không. Mặt khác tại phiên tòa sơ thẩm bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu buộc anh Mánh liên đới trả nợ cho bà là thuộc trường rút một phần yêu cầu khởi kiện nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ phần yêu cầu bà Yên đã rút là vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn L. Hủy bản án dân sự sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị T chết. Do vậy căn cứ Điều 74 BLTTDS, những người thừa kế của bà Lê Thị T (theo xác nhận của UBND xã Hưng Thạnh) gồm: Bà Nguyễn Thị K, ông Hồ Văn L, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M, chị Hồ Thị L tham gia tố tụng kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho bà Lê Thị T.

Xét bà Nguyễn Thị K, anh Hồ Văn S, chị Hồ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Hồ Văn L nộp trong thời hạn, đúng với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng góp hụi" là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

[4] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn L: yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, không buộc ông L phải liên đới với bà Lê Thị T trả số tiền góp hụi là 20.700.000đồng cho bà H, xét thấy:

Xét lời khai bà Trần Thị H cho rằng tham gia dây hụi do bà T làm đầu thảo, bà đã góp hụi cho bà T 24.000.000đồng, trừ 800.000đồng huê hồng cho bà T và

bà T trả cho bà 2.000.000đồng, còn nợ lại 21.200.000đồng, được bà Lê Thị T thừa nhận. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định tình tiết bà Lê Thị T còn nợ tiền góp hụi của bà Trần Thị H số tiền 21.200.000đồng là có thật.

Xét lời khai của bà Lê Thị T và ông Hồ Văn L xác định ông bà sống chung và kết hôn từ 1986, được pháp luật công nhận vợ chồng. Xét thấy tại thời điểm diễn ra giao dịch góp hụi giữa bà H và bà T thì bà T và ông L vẫn là vợ chồng hợp pháp. Mặc dù giao dịch góp gụi do bà T trực tiếp thực hiện, ông L không tham gia. Tuy nhiên bà T tham gia góp hụi từ năm 2014 đến năm 2020, có hưởng huê hồng nên thu nhập phát sinh trong thời kỳ hôn nhân được bà T sử dụng chung giải quyết cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình, ông L không thể không biết. Căn cứ quy định điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Như vậy, số tiền 21.200.000đồng bà T nợ của bà H do bà T vi phạm hợp đồng góp hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung của bà T và ông L. Do đó bà Hiếu yêu cầu buộc bà T và ông L có trách nhiệm liên đới trả nợ là phù hợp. Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bà Lê Thị T và ông Hồ Văn L phải liên đới trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ hụi 21.200.000đồng là phù hợp với điều 471 của Bộ luật dân sự và điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét ông Hồ Văn L kháng cáo không đồng ý liên đới với bà Lê Thị T trả nợ cho bà H vì cho rằng ông không tham gia chơi hụi, ông không biết gì về số nợ của bà T nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là nợ riêng của bà T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn L.

Tuy nhiên xét sau khi xét xử sơ thẩm bà Lê Thị T chết. Căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự những người thừa kế của bà Lê Thị T gồm bà Nguyễn Thị Kiến, ông Hồ Văn L, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M, chị Hồ Thị L trong phạm vi tài sản của bà Lê Thị T để lại, phải liên đới với ông Hồ Văn L để thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Trần Thị H. Do vậy Hội đồng xét xử sửa một phần bản án Dân sự sơ thẩm.

Xét tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không yêu cầu buộc anh Hồ Văn Mánh liên đới trả nợ cho bà là thuộc trường rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cấp sơ thẩm không đình chỉ phần yêu cầu nguyên đơn đã rút là có sai sót, nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp quy định khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Về án phí: Do Bản án DSST bị sửa một phần nên ông Hồ Văn L không phải chịu án phí DSPT theo quy định.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị hủy bản án DSST với những căn cứ nêu trên. Tuy nhiên xét thấy việc xác minh tài sản của bà Lê Thị T để đảm bảo thi hành án thuộc thẩm quyền của Cơ quan Thi hành án dân sự và

việc hủy án không làm thay đổi nội dung giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 74, Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 296 và Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 615 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 24, Điều 25 Nghị định 19/2019/ NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn L. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DSST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

- Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T gồm: ông Hồ Văn L, bà Nguyễn Thị K, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M, chị Hồ Thị L phải liên đới với ông Hồ Văn L trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ hụi là 21.200.000đồng (hai mươi mốt triệu hai trăm ngàn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T: bà Nguyễn Thị K, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M, chị Hồ Thị L chỉ phải chịu trách nhiệm trả số tiền 21.200.000đồng cho bà Trần Thị H trong phạm vi tài sản của bà Lê Thị T để lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Trần Thị H đòi ông Hồ Văn M phải liên đới với bà Lê Thị T, ông Hồ Văn L trả cho bà số tiền 21.200.000đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T gồm: ông Hồ Văn L, bà Nguyễn Thị K, anh Hồ Văn S, anh Hồ Văn M, chị Hồ Thị L

trong phạm vi tài sản của bà Lê Thị T để lại và ông Hồ Văn L phải chịu 1.060.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp 550.000 đồng theo biên lai thu số 20913 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ông Hồ Văn L không phải chịu án phí DSPT, hoàn lại cho ông Hồ Văn L số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ông Hồ Văn L đã nộp theo biên lai thu số 21022 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND HTP, TG;
- CCTHADS HTP, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Nhàn